

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3- 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 250/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng : Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hoàng Minh T trình bày:

Anh T2 và chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện kết hôn ngày 08/11/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T2. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 chị T1 có nói với gia đình là đi làm ăn rồi đi luôn kể từ đó không về nữa. Anh đã thực hiện mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Năm 2021, anh đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba tuyên bố chị Nguyễn Thị T1 mất tích.

Anh T2 xác định vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàn Thị Minh P, sinh ngày 18/7/2006. Hiện cháu P đang do anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu ly hôn, anh T2 xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử chok anh Hoàng Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1

+ Về con chung: giao cho anh Hoàng Minh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Thị Minh P1. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có đề nghị sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

+ Về án phí: Anh Tuấn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Hoàng Minh T và chị Nguyễn Thị T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị T1 có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Hoàng Minh T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 08/11/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T1 đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay không về, không có tin tức gì về gia đình. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2022/QĐST – VDS ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba đã tuyên bố chị Nguyễn Thị T1 mất tích.

Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho anh T được ly hôn chị T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh T2 và chị T1 có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Minh P1, sinh ngày 18/7/2006. Kể từ khi chị T1 bỏ đi cho đến nay, cháu P1 do anh T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu P1 có quan điểm nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy, xét giao con chung cho T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T2 do anh T2 không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: anh T2 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập được quan điểm, lấy lời khai của chị T1, vì vậy HĐXX tách các nội dung trên, không xem xét trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp và đề nghị giải quyết sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[4] Về án phí: Anh Tuấn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Minh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Thị Minh P1, sinh ngày 18/7/2006 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Hoàng Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003590 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Anh T2 có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Đại An.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thanh Loan

